TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HÀ ĐÔNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 920/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-12-2023
V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Trần Thị Diệp Linh***

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Vũ Thị Minh Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 757/2023/TLST-HNGĐ ngày20 tháng 10 năm 2023 về *Tranh chấp ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn T Đ – sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ dân phố X phường T H, thị xã ST, Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L H – Sinh năm: 1977. HKTT: Số nhà X ngõ Y AH, phường ML, quận H, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: P X chung cư Y, phường ML, quận H, thành phố Hà Nội. (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản tự khai, anh Nguyễn T Đ trình bày:

Anh Nguyễn T Đ kết hôn với chị Nguyễn Thị L H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T H, thị xã S T, thành phố Hà Nội ngày 31.03.2003.

Quá trình chung sống do cách sống và quan điểm sống không hợp nhau nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Đến nay anh Đ thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

* Về con chung: anh chị có 02 con chung là Nguyễn T M – sinh năm 2004, cháu Nguyễn H P – sinh năm 2015. Cháu M đã lớn, không yêu cầu giải quyết. Cháu Nguyễn H P còn nhỏ, theo nguyện vọng của con chung để cho con ở với mẹ và anh đồng ý cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn đến khi con được 18 tuổi theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, bất động sản chung, công nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

* ***Bị đơn chị Nguyễn Thị L H***:

Về tình cảm: Chị đề nghị tòa án giải quyết theo đơn của anh Đ. Chị không có ý kiến gì khác. Nếu anh Đ không tranh chấp về con chung thì chị không có ý kiến gì khác.

Về con chung: Giữa chị và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn T M – sinh năm 2004, cháu Nguyễn H P – sinh năm 2015. Cháu M đã lớn, không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, rất muốn bố tiếp tục thực hiện lời hứa với con là chu cấp tiền học cho con đến khi con học xong đại học ở nước ngoài. Cháu P có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, chị đề nghị được nuôi cháu và đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000đ/tháng kể từ sau khi ly hôn. Còn nếu dưới 5.000.000đ/tháng, chị không nhận, tùy suy nghĩ của anh Đ. Nếu anh Đ không thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của người bố là chu cấp tiền nuôi dưỡng cho con thì không nên nhận con làm gì. Đồng thời anh cũng không cần đến thăm hay hỏi han con, và đề nghị không làm phiền con khi con không có nhu cầu. Đừng làm phiền chị khi chị phải nuôi con.

Tại phiên toà hôm nay: Chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh Đ có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị H. Về con chung: đối với cháu lớn Nguyễn T M – sinh năm 2004 – cháu đã trên 18 và đang du học nước ngoài, nhưng anh vẫn sẽ có trách nhiệm với cháu. Cháu nhỏ Nguyễn H P – sinh năm 2015, anh xin tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu P được 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, nợ chung, bất động sản chung: anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên toà: Thẩm phán, Thư ký Toà án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên toà. Tại phiên toà: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị: Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn T Đ và chị Nguyễn Thị L H, xử cho anh Nguyễn T Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị L H.

Về con chung: Giữa anh Nguyễn T Đ và chị Nguyễn Thị L H có 02 con chung là Nguyễn T M – sinh năm 2004, cháu Nguyễn H P – sinh năm 2015. Cháu M đã lớn, không yêu cầu giải quyết. Cháu Nguyễn H P còn nhỏ đang ở với mẹ. Khi ly hôn, để không ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của các con, và theo nguyện vọng của con chung, giao cháu Nguyễn H P – sinh năm 2015 cho anh chị Nguyễn Thị L H chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu P được 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, bất động sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: anh Nguyễn T Đ phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn T Đ nộp đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị L H có địa chỉ cư trú tại P X chung cư Y, phường ML, quận H, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận H thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn giữa anh Nguyễn T Đ và chị Nguyễn Thị L H là đúng thẩm quyền theo loại việc, theo cấp toà án và theo lãnh thổ quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn T Đ kết hôn với chị Nguyễn Thị L H ngày 31.03.2003 tại Ủy ban nhân dân phường TH, thị xã ST, thành phố Hà Nội, quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị H là hợp pháp. Anh Nguyễn T Đ và chị Nguyễn Thị L H mặc dù là vợ chồng nhưng đã sống ly thân, vợ chồng không quan tâm, thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình, không còn khả năng đoàn tụ.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh Nguyễn T Đ và chị Nguyễn Thị L H đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn T Đ và chị Nguyễn Thị L H, giải quyết cho anh Nguyễn T Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị L H.

[3] Về con chung: Giữa anh Nguyễn T Đ và chị Nguyễn Thị L H có 02 con chung là Nguyễn T M – sinh năm 2004, cháu Nguyễn H P – sinh năm 2015. Cháu M đã lớn, không yêu cầu giải quyết. Cháu Nguyễn H P còn nhỏ đang ở với mẹ. Xét thấy, để không ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt của con và theo nguyện vọng của con chung, căn cứ Điều 81của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn H P – sinh năm 2015 cho chị Nguyễn Thị L H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi anh Nguyễn T Đ và chị Nguyễn Thị L H ly hôn cho đến khi cháu Nguyễn H P được 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn T Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn T Đ cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu P được 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, bất động sản chung, nợ chung: anh Nguyễn T Đ và chị Nguyễn Thị L H không yêu cầu toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

[5] Về án phí: anh Nguyễn T Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Mục I, Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn T Đ đối với chị Nguyễn Thị L H. Anh Nguyễn T Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị L H.

2. Về con chung: Anh Nguyễn T Đ và chị Nguyễn Thị L H có 02 con chung là Nguyễn T M – sinh năm 2004, cháu Nguyễn H P – sinh năm 2015. Cháu M đã lớn, không yêu cầu giải quyết. Giao cháu Nguyễn H P – sinh năm 2015 cho chị Nguyễn Thị L H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi anh Nguyễn T Đ và chị Nguyễn Thị L H ly hôn cho đến khi cháu Nguyễn H P được 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn T Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn T Đ cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu P được 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, bất động sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn T Đ và chị Nguyễn Thị L H không yêu cầu toà án giải quyết nên Toà không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn T Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số

0014504 ngày 19.10.2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Anh Đ còn phải nộp 300.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội.;*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *VKSND quận Hà Đông;*
- *THADS quận Hà Đông;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Đương sự*
- *Lưu HS, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Diệp Linh